

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**  
**VIÊN CHỨC BÁC SĨ ĐƯỢC SĨ**

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC (BÁC SĨ, ĐƯỢC SĨ) NĂM 2025**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
1	001	Lưu Ngọc Ánh	25/10/2000	Nữ	An Phú, Gia Lai	Bác sĩ Y học dự phòng (002916)				Không	Không	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	Trung tâm Y tế Pleiku	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
2	002	Lê Thị Ngọc Ánh	01/5/1997	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10200585)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0488299)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
3	003	Nay H' Bảo	24/3/2001	Nữ	Ia Sao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002590)		Tin học (TTN.TH.004879)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
4	004	KPã Bay	22/3/1999	Nam	Ia Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 04052				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh- Liên chuyên khoa	Trung tâm Y tế Ia Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
5	005	Nguyễn Lan Chi	06/8/1999	Nữ	Ia Boong, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002816)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
6	006	Lương Phương Chi	29/9/2000	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D000678)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
7	007	Lê Thị Chinh	18/11/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301550				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
8	008	Dương Tiến Công	14/10/1998	Nam	Pờ Tó, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000187)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
9	009	Nguyễn Thành Đạt	17/5/1996	Nam	An Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302638				Không	Không	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
10	010	Nguyễn Quốc Đạt	26/12/1997	Nam	Đề Gi, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0142064)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.0039160)		Không	Thu hút	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền Nhiễm	Trung tâm Y tế Phù Cát	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
11	011	Nguyễn Ngọc Diễm	08/8/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200950)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.008713)		Không	Không	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
12	012	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	19/6/1998	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 77300979				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
13	013	Nguyễn Thị Diệp	25/12/2000	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7302418				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Krông Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	13/30	43.3 %		Không đạt
14	014	Võ Sỹ Đông	19/02/1981	Nam	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 010643 Bác sĩ Chuyên khoa I sản phụ khoa 0038334				Không	Không	Khoa Ngoại sản - CSSKSS	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %		Đạt
15	015	Võ Văn Đông	20/6/1995	Nam	Đề Gi, Gia Lai	Đại học ngành Dược (PH01030)		Tin học Ứng dụng trình độ B (A 1642914)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
16	016	Trịnh Thị Quỳnh Dung	15/10/1995	Nữ	Kon Tum, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104896)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
17	017	Lê Thị Thùy Dung	13/5/1998	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100346)		Chứng chỉ tin học (Microsoft office Specialist: P, W, E)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %		Đạt
18	018	Nguyễn Viễn Dương	07/6/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DHL0502561)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
19	019	Ngô Hồng Phương Duy	06/12/1999	Nữ	Phú Túc, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301558				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %		Đạt
20	020	Lê Kỳ Duyên	06/02/1998	Nữ	Ia Hrug, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100354)		Chứng chỉ Microsoft - office - Worf (CCSA-DwB9; Excel wNwxn-22x8)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %		Đạt
21	021	Dương Xuân Hà	13/11/1994	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK.002877)				Không	Không	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %		Đạt
22	022	Nguyễn Ngọc Hải	06/02/1998	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301881		Ứng dụng CNTT cơ bản C00243660		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm Mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %		Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
23	023	Nguyễn Văn Hải	07/11/1991	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000407)				Không	Không	Khoa xét nghiệm - CDHA	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
24	024	Nguyễn Minh Hải	09/4/2001	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (00677)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
25	025	Đào Thị Thanh Hằng	13/3/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104844)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
26	026	Lê Thị Hằng	12/8/1998	Nữ	Ia Boàng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301007)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	0	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
27	027	Trương Thị Mỹ Hào	21/6/2003	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000405				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
28	028	Nguyễn Thị Thúy Hiền	12/8/1995	Nữ	K'dang, Gia Lai	Đại học ngành Dược 2018/Q5DH13/1372		Ứng dụng CNTT cơ bản 2323/2017/T TTH-THCB		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
29	029	Phạm Thị Thảo Hoa	01/12/1994	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300621)		Tin học ứng dụng A (A1037597)		Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	
30	030	Lê Thị Hoa	29/7/1998	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301381)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	19/30	63.3 %	Đạt	
31	031	Phạm Nguyễn Hoàng Hoa	28/01/2000	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YDS.DS.000987)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
32	032	Dương Thị Thanh Hoài	26/3/2001	Nữ	Đắk Hà, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược (0000030)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
33	033	Nguyễn Thị Thu Hoài	01/9/1992	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (008878)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
34	034	Lê Hoàng	24/11/1992	Nam	Chư Prông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 001348				Không	Không	Khoa KSBT - HIV/AIDS và ATTP	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Khoa YTCC và Dinh dưỡng	Trung tâm Y tế Chư Prông	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
35	035	Nguyễn Thị Thu Hồng	13/10/1998	Nữ	Kông Bơ La, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DS.2025/101.1571)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
36	036	Phạm Lê Huệ	26/6/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (PH02129)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
37	037	Phan Việt Hưng	25/3/1994	Nam	Thống Nhất, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (00750)		Ứng dụng CNTT cơ bản (000497)		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và PHCN	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
38	038	Nguyễn Thị Hương	11/8/1994	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (025344)		Ứng dụng CNTT nâng cao (0054736)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	
39	039	Nguyễn Trần Ngọc Hương	20/9/1999	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000407)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
40	040	Huỳnh Thị Diễm Hương	06/01/1997	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300037)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N00025244 22/NC/Q29)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
41	041	Phan Thị Kỳ Hương	25/8/2003	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược 0000408				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
42	042	Đặng Nguyễn Đức Huy	17/02/1999	Nam	Bình Định, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (7200437)		Chứng chỉ Tin học (Pow: S93F-XLpk; Excel: QdSr-4TY8; Word: wXwqs-4SHC)		Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
43	043	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/4/1994	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược 014511		Tin học ứng dụng A2738172		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
44	044	Nguyễn Thị Huyền	30/9/1992	Nữ	la Hưng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501275)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	19/30	63.3 %	Đạt	
45	045	Trần Sĩ Khoa	03/12/1996	Nam	Chư Puh, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS002384)				Không	Không	Khoa PHCN	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội Nhi Nhiễm	Bệnh viện 331	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
46	046	Bùi Anh Khoa	04/6/1996	Nam	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021366)		Ứng dụng CNTT cơ bản (1165772)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
47	047	Võ Thị Thủy Kiều	21/9/1987	Nữ	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104195		Tin học VP TH838		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
48	048	Võ Nguyễn Thiện Lam	15/10/1993	Nam	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (000542)				Không	Không	Khoa Khám bệnh - LCK	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
49	049	Ksor H' Li Lan	25/10/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (001340)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
50	050	Hoàng Thị Nhật Linh	26/9/1999	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10101524				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
51	051	Phạm Khánh Linh	03/11/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301754)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C.005005)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
52	052	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/1999	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược (10101671)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	
53	053	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/02/2000	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03810)		Ứng dụng CNTT cơ bản (030564)		Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
54	054	Lê Thị Phương Linh	12/02/1999	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (002856)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
55	055	Trần Võ Thị Mỹ Linh	07/9/1997	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7300225)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
56	056	Nguyễn Trinh Thùy Linh	22/5/2001	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000232)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C00209551)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Phòng kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
57	057	Ksor Y Linh	14/8/2000	Nữ	Ia Phí, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0001291				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
58	058	Đỗ Lê Diệu Linh	08/9/1999	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10101390)		Ứng dụng CNTT cơ bản (025377)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
59	059	Huỳnh Thị Ngọc Linh	12/02/1996	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược 028991		Ứng dụng CNTT cơ bản 1164838		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
60	060	Lưu Mỹ Loan	31/10/2001	Nữ	Tam Giang, Đắk Lắk	Bác sĩ Y khoa (BMT.B.000843)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0020166)		Không	Không	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế An Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
61	061	Nguyễn Thị Cẩm Long	23/09/2000	Nữ	Ia Krêl, Gia Lai	Đại học ngành Dược D103061				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
62	062	Rah Lan H' Lý Lú	21/9/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000434)				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
63	063	Rcom H' Lúy	26/3/1999	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 03313				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Điều trị bệnh nhân tâm thần Nữ	Bệnh viện Tâm Thần kinh Pleiku	Bác sĩ Y khoa	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
64	064	Trương Thị Trà My	13/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000049)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)			Bỏ thi	
65	065	Nguyễn Hồng Nga	10/12/1995	Nữ	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0002930)		Microsoft Office Specialist (wd 9Nc - FMRz)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	29/30	96.7 %	Đạt	
66	066	Hồ Thị Ngân	10/6/1991	Nữ	Chư Păh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104920)		Tin học A (A244132)		Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	18/30	60 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
67	067	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/3/2001	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YKV.BS002317				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
68	068	Bùi Thức Nghĩa	12/5/1999	Nam	Ea Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (03497)				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Trung tâm Y tế Chư Păh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
69	069	Nguyễn Thị Hồng Nghĩa	08/02/1999	Nữ	KDang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301780)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C002793)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
70	070	Đình Thị Ngoãn	17/8/2000	Nữ	Hải Quang, Ninh Bình	Bác sĩ Y khoa (YKV.BS001665)		Ứng dụng CNTT cơ bản (TH006920)		Không	Không	Khoa Nội Nhi	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
71	071	Trần Thị Như Ngọc	06/01/2002	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104680)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Ia Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
72	072	Lê Thị Kim Ngọc	01/9/1998	Nữ	Quy Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301386)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phú Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
73	073	Rah Lan H' Nhang	15/10/2000	Nữ	Uar, Gia Lai	Bác sĩ YHCT DHH.6.1.0000045				Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa YHCT-PHCN	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa Nội Nhi Nhiễm - YHCT	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
74	074	Trần Huỳnh Thanh Nhật	19/7/2001	Nữ	Tuy Phước, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (TTN.YK002718)		Ứng dụng CNTT cơ bản (TTN.TH.005184)		Không	Không	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
75	075	Nguyễn Hà Diệu Nhi	07/5/2001	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302567)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C008963)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
76	076	Phạm Hồng Yến Nhi	22/8/2001	Nữ	Ia Grai, Gia Lai	Đại học ngành Dược BMU.D.000810				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tinh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
77	077	Nguyễn Quỳnh Như	11/6/1996	Nữ	Hoài Ân, Gia Lai	Đại học ngành Dược(020760)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0798900)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phú Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
78	078	Lê Thị Cẩm Nhung	03/01/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302574)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N007271)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
79	079	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22/4/2002	Nữ	Vân Canh, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH 0502649)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DLH1202745)		Không	Không	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Vân Canh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
80	080	Nguyễn Thị Nữ	10/4/2001	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302548)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
81	081	Lê Nguyễn Ngọc Nữ	01/12/2000	Nữ	An Nhơn Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302194)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
82	082	Tô Thị Hoàng Phúc	08/10/1997	Nữ	Diên Hồng, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100461)				Không	Không	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng kiểm nghiệm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
83	083	Đặng Ngọc Phước	04/01/2001	Nam	Bình Dương, Gia Lai	Bác sĩ Y học cổ truyền (YDS.B3.000782)				Không	Không	Khoa Nội 1	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
84	084	Phạm Thị Minh Phương	27/12/1996	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10201207)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
85	085	Huỳnh Thị Quý	20/3/1994	Nữ	Bàu Cạn, Gia Lai	Đại học ngành Dược 020983		Ứng dụng CNTT cơ bản 0798939		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Dược lý - Vi sinh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	
86	086	Nay H' Quynh	24/7/2000	Nữ	Ia Tul, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (CA6510)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0039657)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Nội tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Khoa khám bệnh	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	
87	087	Phạm Thị Xuân Quỳnh	01/01/2001	Nữ	Ia Hiao, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa YHN3100431				Không	Không	Khoa Nội Tổng hợp	Trung tâm Y tế Ayun Pa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã Ia Hiao	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
88	088	Lê Thanh Sang	04/5/2000	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10102263)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
89	089	Lê Văn Sang	01/8/1995	Nam	Tuy Phước Đông, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (C0007209)				Không	Thu hút	Khoa Nội - Nhi	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Tuy Phước	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
90	090	Nguyễn Thị Thanh Sang	02/01/2001	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ YHCT YDS.B3.000800				Không	Không	Khoa Nội 5	Bệnh viện Y Dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Bác sĩ Y học cổ truyền				Bác sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
91	091	Đặng Đức Tài	03/9/1997	Nam	An Khê, Gia Lai	Đại học ngành Dược (010126)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
92	092	Hồ Minh Tâm	03/10/2001	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU000217)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
93	093	Lê Thị Ngọc Thắm	03/4/2002	Nữ	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DU 000342)				Con thương binh	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phú Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt	
94	094	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1996	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (021444)				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	20/30	66.7 %	Đạt	
95	095	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/11/2002	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược NTTDS.10104570				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
96	096	Rơ Chăm Thiêm	01/02/1997	Nữ	Hội Phú, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7300718				Người dân tộc thiểu số	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTTY	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
97	097	Biện Tấn Hoàng Thiện	19/8/1988	Nam	Tuy Phước Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (D0001445)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Điện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú	
98	098	Ksor Thìn	10/01/1999	Nữ	Ia Krái, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0502328)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DLH1201580)		Người dân tộc thiểu số	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt		
99	099	Trần Thị Bích Thu	30/4/2001	Nữ	Chư Krey, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DH02606)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt		
100	100	Nguyễn Thị Thực	20/9/1994	Nữ	Ia Dok, Gia Lai	Đại học ngành Dược 7301506				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt		
101	101	Nguyễn Thị Thùy Thương	02/12/2001	Nữ	Đắk Bla, Quảng Ngãi	Đại học ngành Dược D0001212				Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt		
102	102	Luong Thị Thúy	10/3/1992	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10100945)		Tin học văn phòng B (8148/2011/CN-TT)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt		
103	103	Đỗ Thị Thúy	18/4/1993	Nữ	Kbang, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa 034542				Không	Không	Khoa Ngoại - LCK	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Phòng KHTC	Trung tâm Y tế Kbang	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt		
104	104	Đình Nguyễn Bích Thùy	05/02/2002	Nữ	Chư Prông, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000348		Ứng dụng CNTT cơ bản DND.II.0050424		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt		
105	105	Trần Đức Tín	17/5/1993	Nam	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (005062)				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Chư Prông	Đại học ngành Dược	0		Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	19/30	63.3 %	Đạt	
106	106	Nguyễn Thị Trang	26/11/1998	Nữ	Ia Dom, Gia Lai	Đại học ngành Dược D002415				Không	Không	Khoa Dược - TTB_VTYT	Trung tâm Y tế Đức Cơ	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
107	107	Lê Quỳnh Mỹ Trang	10/8/1993	Nữ	Biển Hồ, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0501767)		Tin học Ứng dụng B (0003846)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi	
108	108	Trịnh Nhã Trang	01/6/2002	Nữ	Kbang, Gia Lai	Đại học ngành Dược DU000358				Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt		
109	109	Nguyễn Minh Trang	06/6/1994	Nam	An Nhơn Nam, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa (DND.6.0142099)		Ứng dụng CNTT cơ bản (DND.II.0038650)		Không	Thu hút	Khoa Nội	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tim mạch - Nội tiết	Trung tâm Y tế Quy Nhơn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	28/30	93.3 %	Đạt		
110	110	Nguyễn Ngọc Trí	27/02/1995	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (BMU.D.000479)		Tin học A (0232650)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	26/30	86.7 %	Đạt		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đối tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
111	111	Thái Thị Ngọc Trinh	23/02/1996	Nữ	Thống Nhất, Gia Lai	Đại học ngành Dược (030478)		Tin học Ứng dụng trình độ A (A2473997)		Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Bệnh viện 331	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
112	112	Nguyễn Lan Trinh	05/7/2000	Nữ	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302329)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C008495)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Chư Puh	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	21/30	70 %	Đạt	
113	113	Nguyễn Thị Bảo Trúc	22/7/1993	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược B.M.U.D.000929		Tin học ứng dụng B A712701		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
114	114	Nguyễn Mạnh Tú	09/09/2000	Nam	Hòa Hiệp, Đăk Lăk	Bác sĩ Y khoa (7201000)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.008712)		Không	Không	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế An Khê	Bác sĩ Y khoa				Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
115	115	Lê Văn Tuyền	28/8/1978	Nam	Đak Đoa, Gia Lai	Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1 chẩn đoán hình ảnh (BS: 039128; CKI: 0075088)				Không	Không	Trạm Y tế xã Kon Gang - cơ sở 4	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Trạm Y tế xã KDang - Cơ sở 2	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
116	116	Phạm Trần Kim Tuyền	29/9/2002	Nữ	Phú Thiện, Gia Lai	Đại học ngành Dược (0000320)				Không	Không	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Phú Thiện	Đại học ngành Dược	Khoa Dược-TTB-VTYT	Trung tâm Y tế la Pa	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	22/30	73.3 %	Đạt	
117	117	Nguyễn Thị Kim Tuyền	02/8/1980	Nữ	Chư Sê, Gia Lai	Bác sĩ Y khoa B574672				Không	Không	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm	Trung tâm Y tế Chư Sê	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	Trung tâm Y tế Chư Puh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)				Bỏ thi
118	118	Nguyễn Lê Phương Uyên	30/3/2000	Nữ	An Bình, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302489)		Ứng dụng CNTT cơ bản (C.008497)		Không	Không	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Kbang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
119	119	Trương Ngọc Phương Uyên	20/12/1998	Nữ	Pleiku, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301239)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược	Phòng Mỹ phẩm - Thực phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
120	120	Hà Thu Uyên	17/4/1998	Nữ	Ayun Pa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (000377)				Không	Không	Khoa Dược	Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
121	121	Cao Thanh Vân	03/11/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10204907)				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
122	122	Huỳnh Thị Kim Vân	26/11/1993	Nữ	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học ngành Dược (DLH0500202)		Tin học A (A 1255802)		Không	Không	Khoa Dược-TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)				Bỏ thi
123	123	Võ Thị Thảo Vân	10/10/2000	Nữ	Đak Đoa, Gia Lai	Đại học ngành Dược D0000723				Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	Trung tâm Y tế Mang Yang	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú (xã, tỉnh)	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Tiêu chuẩn khác	Đổi tượng ưu tiên	Diện thu hút	Khoa/phòng/trạm NV1	Đơn vị dự tuyển NV1	Vị trí dự tuyển NV1	Khoa/phòng/trạm NV2	Đơn vị dự tuyển NV2	Vị trí dự tuyển NV2	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ % câu trả lời đúng	Kết quả	Ghi chú
124	124	Hà Thị Trúc Vi	13/10/2001	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7302626)		Ứng dụng CNTT nâng cao (N.009105)		Không	Không	Khoa Dược- TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	16/30	53.3 %	Đạt	
125	125	Hoàng Xuân Vinh	13/12/2001	Nam	Quy Nhơn Nam, Gia Lai	Đại học ngành Dược (YKV.DS000195)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0021057)		Không	Không	Phòng Kiểm nghiệm thuốc	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Trang thiết bị Vật tư y tế	Trung tâm Y tế An Khê	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	27/30	90 %	Đạt	
126	126	Nguyễn Thị Tường Vy	15/3/1999	Nữ	Kon Gang, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104420))		Tin học văn phòng cơ bản (wM447-HahF IIG Việt Nam)		Không	Không	Khoa Dược - TTB-VTYT	Trung tâm Y tế Đak Đoa	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	25/30	83.3 %	Đạt	
127	127	Trần Tường Vy	02/8/1999	Nữ	Phù Cát, Gia Lai	Đại học ngành Dược (NTTDS.10104254)		Ứng dụng CNTT cơ bản (0019987)		Không	Không	Khoa Dược- TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược				Dược sĩ (hạng III)	24/30	80 %	Đạt	
128	128	Hồ Thị Hải Yến	12/3/1999	Nữ	Tuy Phước Bắc, Gia Lai	Đại học ngành Dược (7301828)				Không	Không	Khoa Dược- TTB-Vật tư Y tế	Trung tâm Y tế Phù Cát	Đại học ngành Dược	Khoa Dược - Cận lâm sàng	Trung tâm Y tế Văn Canh	Đại học ngành Dược	Dược sĩ (hạng III)	23/30	76.7 %	Đạt	

**Tổng danh sách: 128 thí sinh**